

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV2 - LĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2025

V/v: “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV2- LĐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Văn Chí

2. Ông Lê Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân KV2- LĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV2- LĐ tham gia phiên toà: ông Đặng Thành Tâm– Kiểm sát Viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân KV2- LĐ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 312/2025/TLST–HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 về Việc “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà NTTV, sinh năm 2004; địa chỉ: 12/6 CVA, xã ĐT, tỉnh LĐ;

- Bị đơn: ông MTĐ, sinh năm: 2001; địa chỉ: 139 SĐ, xã TH, tỉnh LĐ.

(Bà NTTV có mặt, ông MTĐ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn bà NTTV trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà NTTV và ông MTĐ chung sống với nhau từ tháng 4/2024 và tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NTH, huyện ĐT, tỉnh LĐ vào ngày 18/4/2023. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu; sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại 139 thôn SĐ, xã NTH, huyện ĐT, tỉnh LĐ (nay là xã TH, tỉnh LĐ). Quá trình vợ chồng chung sống, đến đầu năm 2024 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng tiếng nói trong các lĩnh vực của cuộc sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không hòa hợp và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với ông MTĐ.

Về con chung: trong quá trình chung sống, có 01 con chung là cháu MNĐK, sinh ngày: 06/8/2023; hiện con đang ở cùng ông Đ. Khi ly hôn, bà i yêu cầu giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung MNĐK sinh ngày 06/8/2023, bà V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông MTĐ không đến Tòa án làm Việc và không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông MTĐ vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà V giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ; về con chung: yêu cầu giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung MNĐK sinh ngày 06/8/2023, bà V không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV2- LD phát biểu:

Vệc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự như xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác định mối quan hệ tranh chấp, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tổng Đ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về Việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về Việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà NTTV, cho bà NTTV và ông MTĐ được ly hôn.

Về con chung: giao cho ông MTĐ nuôi cháu MNĐK, sinh ngày: 06/8/2023; bà V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà V, ông Đ không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “ly hôn” giữa nguyên đơn bà NTTV và bị đơn ông MTĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV2- LĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông MTĐ được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không thuộc trường hợp bất khả kháng. Căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông MTĐ theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: bà NTTV và ông MTĐ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống trong thời gian dài, đến đầu năm 2024 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng tiếng nói trong các lĩnh vực của cuộc sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không hòa hợp và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông MTĐ; còn ông Đ mặc dù đã được Tòa án niêm yết các thủ tục hợp lệ: Niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra Việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra Việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông Đ nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà NTTV và ông MTĐ đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không Đ được nên chấp nhận yêu cầu của bà V về Việc xin ly hôn với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: bà NTTV và ông MTĐ có 01 con chung là cháu MNĐK, sinh ngày 06/8/2023. Hiện con đang ở cùng ông Đ. Xét thấy, hiện nay con chung đang có cuộc sống ổn định. Do đó, để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để con chung phát triển về mọi mặt nên giao cháu MNĐK, sinh ngày 06/8/2023 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 68, 69, 71, 72 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà V, ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát Vên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: bà NTTV phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, các Điều 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTTV; bà NTTV được ly hôn với ông MTĐ.

2. Về con chung: giao cho ông MTĐ trực tiếp nuôi dưỡng con chung MNĐK sinh ngày 06/8/2023 cho đến ngày con chung thành niên. Bà NTTV không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: buộc bà NTTV phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001012 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh LD (nay là Phòng Thi hành án dân sự KV2- LD). Bà NTTV đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn bà NTTV có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2025); bị đơn ông MTĐ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LD xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Chi Văn Chí

Lê Văn Thắng

Lê Thị Thanh Vũ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND Khu vực 2 – LĐ;
- Chi cục THADS Khu vực 2 – LĐ;
- UBND xã TH, tỉnh LĐ (xã NTH cũ) (số 30, ngày đăng ký 18/4/2023);
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ